Shelter in place- Lock down

|  |  |
| --- | --- |
| ENGLISH | VIETNAMESE |
| LOCKDOWN  VERSUS  SHELTER-IN-PLACE | NHỐT VÀO MỘT CHỖ)  SO VỚI  Ở TẠI CHỖ) |
| DIFFERENCES BETWEEN THE TWO PROCEDURES | SỰ KHÁC BIỆT GIỮA HAI THỦ TỤC |
| Both Lockdown and Shelter-in-Place involve taking refuge in a pre-designated room until the emergency situation is resolved. | Cả Nhốt vào một chỗ (Lockdown) và Ở tại chỗ (Shelter-in-Place) đều là nương náu ở một căn phòng đã được định trước cho tới khi tình huống khẩn cấp được giải quyết xong. |
| Protects against threats of violence | Bảo vệ cho khỏi bị đe dọa bạo động |
| Protects against environmental threats | Bảo vệ cho khỏi bị đe dọa về môi trường |
| Close blinds or curtains; turn off lights; lock or barricade door(s) | Đóng rèm che hoặc màn; tắt đèn; khóa hoặc chặn (các) cửa ra vào lại |
| Seal doors and windows with plastic and tape | Gắn kín các cửa ra vào và cửa sổ bằng miếng nhựa và băng dán |
| Remain calm; mute cell phones; remain quiet | Giữ bình tĩnh; tắt âm thanh của điện thoại di động; giữ yên lặng |
| Remain calm | Giữ bình tĩnh |
| If the fire alarm sounds, wait for instructions from emergency personnel | Nếu có tiếng báo động hỏa hoạn, hãy đợi chỉ thị của nhân viên cấp cứu |
| If the fire alarm sounds, evacuate the building | Nếu có tiếng báo động hỏa hoạn, hãy di chuyển ra khỏi tòa nhà |